TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn,nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái K Thành

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 857/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vương Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Lê Thị K, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của anh D trình bày: Anh và chị K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 12 năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu; sau khi cưới chị K về sống bên chồng cùng với anh D làm công nhân khu công nghiệp Phước Đông – Bời Lời; vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 chị K bỏ nhà đi sống chung với người đàn ông khác, nên vợ chồng ly thân đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể hiện yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và anh D thực hiện đúng theo trình t ự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Anh D có đề nghị xét xử vắng mặt; Chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt anh D và chị K theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: anh D và chị K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống đến tháng 9 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị K bỏ nhà đi cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho anh D và chị K ly hôn.

+ Về con chung cháu Vương Hoài Nhân, sinh ngày 19-6-2013 sống với anh D từ ngày chị K bỏ nhà đi cho đến nay, hiện tại cháu phát triển bình thường về mọi mặt, đề nghị giao cho anh D tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, cho nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh D và chị K tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 11 năm 2011, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật thừa nhận hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nên chị K bỏ nhà đi cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Như vậy có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho anh D và chị K ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Vương Hoài Nhân, sinh ngày 19-6-2013 đang sống với anh D kể từ ngày chị K bỏ nhà đi cho đến nay, hiện tại cháu phát triển bình thường về mọi mặt, anh D có việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng và điều kiện để nuôi con. Anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi con là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: anh Vương Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Vương Văn D ly hôn với chị Lê Thị K.

2. Về con chung: cháu Vương Hoài Nhân, sinh ngày 19-6-2013 giao cho anh Vương Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Chị Lê Thị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vương Văn D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do anh D đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0008448 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (anh D đã nộp xong).

5. Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Anh Vương Văn D và chị Lê Thị K vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKý kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng